

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 29- 6 -2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa.

Bà Nguyễn Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2020/HNGĐ-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐ-PT ngày 23/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐ-PT ngày 22/4/2021, Thông báo số 249/CV-TA ngày 13/5/2021 về việc tạm dừng mở phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐ-PT ngày 11/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T; Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị P; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 156 - 157 C3, khu đô thị mới Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị H - Luật sư, Địa chỉ: Số 16, 02 Bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Trần Thị Tuyết N1; Địa chỉ: Số 04, ngách 71/8, P , phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

3.2. Cháu Ngô Huy N2, sinh ngày: 28/6/2018; Địa chỉ: Số 04, ngách 71/8, P Mai, phường P Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu N2: Chị Trần Thị Tuyết N1; Địa chỉ: Số 04, ngách 71/8, P , phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Văn T - nguyên đơn.

(Ông T, bà H có mặt tại phiên tòa; Bà P vắng mặt có lý do; chị N1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/9/1979. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó có những mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, nhiều lần bà P có những hành vi lăng mạ, chửi rủa gia đình, bố mẹ và các A1, em của ông T; đặt máy nghe lén để khùng bố ông Ngô Văn S là bố của ông T khi ông S đang ốm; thu toàn bộ giấy tờ tùy thân của ông T. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không hiểu nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không thành. Tháng 06/2018, ông T đã có 01 người con riêng tên là Ngô Huy N2 (do chị Trần Thị Tuyết N1 xin ông T một đứa con). Vợ chồng ông đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

- Về con:

+ Con chung: Vợ chồng có ba con chung là Ngô Thị Phương L - sinh ngày 29/4/1984, Ngô Quốc A1 - sinh ngày 20/5/1985, Ngô Quốc V - sinh ngày 26/11/1986.

+ Con nuôi: Có 01 con nuôi là: Ngô Hoàng A2 - sinh ngày: 30/11/2001.

+ Con riêng: Ông T có 01 con riêng là: Ngô Huy N2 - sinh ngày 28/6/2018.

Con chung, con nuôi đã trưởng thành, con riêng hiện đang sống cùng với mẹ đẻ của cháu nên ông T không yêu cầu tòa án giải quyết về con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản ghi ý kiến và quá trình giải quyết, bị đơn bà Hoàng Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà P và ông T lấy nhau có đăng ký kết hôn năm 1979, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống hôn nhân của bà và ông T đã được hơn 41 năm. Trong thời gian đó, bà chưa làm điều gì vi phạm đạo đức làm con, làm vợ hay gây điều tiếng gì làm ảnh hưởng đến họ tộc và gia phong của hai bên nội, ngoại. Ông T đã nhiều lần đi ngoại tình và có con riêng ở bên ngoài, những lần ngoại tình trước, khi bà biết, ông T đều xin lỗi, hứa hẹn. Vì vẫn còn yêu chồng, thương các con, các cháu nên bà P đồng ý tha thứ cho ông T. Sau đó, bà P biết mình bị mắc bệnh ung thư, trước khi phẫu thuật bà P về quê đón ông T ra chăm sóc bà, tuy nhiên ông T không đồng ý lên chăm sóc mà đã có những lời nói tuyệt tình với bà P. Ông T đã về quê sống cùng với bố đẻ là ông Ngô Văn S từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Bà P không nhất trí với những nội dung mà ông T đã viết trong đơn khởi kiện về việc ông T cho rằng bà có những hành vi, lời lẽ chửi bới, xúc phạm bố mẹ và anh em nhà chồng. Đó là những lời nói vu khống, làm ảnh hưởng đến uy tín, dự dự, nhân phẩm của bà. Bản thân bà nghĩ, gia đình bà vẫn thuận hòa, yên ả. Nay ông T làm đơn xin ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn.

- Về con:

+ Con chung: Vợ chồng có ba con chung là Ngô Thị Phương L - sinh ngày 29/4/1984, Ngô Quốc A1 - sinh ngày 20/5/1985, Ngô Quốc V - sinh ngày 26/11/1986. Các con đều khỏe mạnh, trưởng thành, bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Con nuôi: Vợ chồng bà không có con nuôi, cháu Ngô Hoàng A2 - sinh ngày 30/11/2001, là con của em gái bà P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại các văn bản ngày 18/7/2020 và ngày 05/10/2020 (BL 54, 104) chị Trần Thị Tuyết N1 trình bày:

Chị N1 là mẹ đẻ của cháu Ngô Huy N2, hiện cháu N2 đang ở cùng chị N1, chị N1 không có ý kiến gì trong việc ly hôn của ông T và bà P. Chị N1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vì đang làm mẹ đơn thân nên chị N1 không thể sắp xếp được thời gian lên làm việc và tham gia tố tụng tại Tòa án. Chị N1 xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử vụ án ly hôn giữa ông T và bà P.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 12 Luật cư trú.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc “Ly hôn” với bà Hoàng Thị P.

2. 1. Về con chung, con nuôi, con riêng: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, nên các vấn đề về con chung, con riêng, con nuôi, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. 2. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/12/2020, ông Ngô Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của TAND thành phố Điện Biên Phủ.

Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tổ chức hòa giải vào ngày 22/4/2021. Tuy nhiên, ông T có đơn từ chối hòa giải và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà P không còn, bà P coi thường ông T, thường xuyên chửi bới, xúc phạm ông T, chửi ông S và anh em của ông T. Bà P còn kiểm soát điện thoại của ông T, đặt máy ghi âm, nghe lén tại nhà ông S (nơi ông T sinh sống). Bà P nhiều lần tịch thu điện thoại của ông T, giữ các giấy tờ tùy thân của ông T. Trong cuộc sống, bà P không tôn trọng ông T, coi ông T như công cụ của bà P, ông T bị bà P đối xử như súc vật. Bà P cậy là đã lo toan cho công việc của ông T, lo toan cho cả dòng họ Ngô nên có thái độ khinh rẻ ông T và gia đình nhà chồng. Ông T khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra trong thời gian dài, đã quá trầm trọng, ông T đã quá mệt mỏi khi phải chung sống với bà P. Đến nay tình cảm giữa ông T và bà P không còn nữa, hai bên đã không còn sự tôn trọng, yêu thương nhau, ông T không còn muốn nhắc đến tên của bà P và cũng thể chịu đựng sự đối xử tàn tệ của bà P được nữa. Kể từ ngày 08 Tết năm 2020 (tức ngày 01/02/2020) cho đến nay, ông T và bà P đã sống ly thân với nhau, không còn sự yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn chia sẻ, bàn bạc công việc chung của gia đình với nhau. Cả khi bà P phải phẫu thuật, điều trị bệnh ung thư cho đến nay thì ông T cũng không quan tâm, không thăm hỏi, chăm sóc bà P vì tình cảm của ông T với bà P không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân sẽ chỉ tăng thêm sự căng thẳng cho cả hai bên, tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với bà P thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, ông T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông.

Bà Hoàng Thị P vắng mặt tại các phiên xét xử, nhưng tại văn bản đề ngày 21/6/2021, bà P trình bày ý kiến:

Bà P không đồng ý với đề nghị ly hôn của ông T vì cuộc hôn nhân của vợ chồng bà đã trải qua 41 năm. Bà P đã phải chăm sóc bố mẹ chồng 04 năm 09 tháng ở quê nhà, sau đó mới được ông T đón lên Lai Châu để vợ chồng đoàn tụ. Bà P đã phải khắc phục rất nhiều khó khăn để chăm sóc và nuôi dạy con cái trưởng thành, gây dựng và phát triển kinh tế gia đình, hỗ trợ kinh phí để ông T đi học 16 năm, giúp ông T thành đạt trong công việc, trở thành Tiến sỹ và được phong hàm thiếu tướng, nay ông T đã nghỉ hưu ... Trong 41 năm chung sống, bà P luôn cố gắng hoàn thành bổn phận và trách nhiệm của người con, người vợ,

người mẹ. Mặc dù, ông T đã nhiều lần ngoại tình nhưng bà P đều tha thứ cho những lỗi lầm của ông T bởi lẽ bà P còn yêu chồng, thương các con các cháu... Tuy nhiên, năm 2019 thì bà P phát hiện ông T ngoại tình với cô N1 và có con riêng. Bà P đã khuyên bảo và đồng ý tha thứ nhưng ông T vẫn qua lại với cô N1. Sau đó, ông T còn thách thức và chửi bà P. Ngày mùng 8 Tết âm lịch năm 2020, ông T nói về quê Thái Bình để thăm bố nhưng từ đó ông T không quay về nhà nữa. Khi khởi kiện ly hôn, ông T lấy lý do là bà P lăng mạ, chửi rửa bố mẹ, anh em nhằm lấp liếm cho việc làm sai trái của ông T, ông T xin ly hôn là vì một người đàn bà khác. Bà P đã dành cả cuộc đời để lao động, chu cấp vật chất và tinh thần cho ông T, toàn tâm, toàn ý với công danh, sự nghiệp, đến khi bà P già yếu và bệnh tật thì ông T lại ruồng bỏ bà P. Vì vậy, bà P không đồng ý với đề nghị ly hôn của ông T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P trình bày:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đã bác bỏ những lời khai mà ông T đã trình bày ở phiên tòa sơ thẩm về việc thừa nhận ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Việc bà P có chửi bới và xúc phạm ông T, xúc phạm gia đình ông T hay không đã được họ hàng nội ngoại khai tại phiên tòa sơ thẩm, đã được làm rõ là không có căn cứ. Nguyên nhân chính và cũng là mục đích, nguyện vọng để ông T ly hôn là do mối quan hệ của ông T với chị N1. Bà P có đầy đủ tài liệu, chứng cứ về việc ông T và chị N1 chung sống với nhau, bàn bạc tìm cách để ly hôn với bà P. Căn cứ vào ý kiến của bà P trình bày tại phiên tòa sơ thẩm và văn bản ghi ý kiến ngày 21/6/2021 thì bà P là người phụ nữ yêu chồng và có tâm, mong ông T cân nhắc đến nguyện vọng của bà P để vợ chồng ông bà được đoàn tụ.

Tại phần tranh luận, luật sư H đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa với lý do: Phiên tòa phúc thẩm xuất hiện nhiều tình tiết mới không thể làm rõ ngay tại phiên tòa như: Ông T bác bỏ lời khai về việc ngoại tình trong khi tại cấp sơ thẩm ông đã thừa nhận, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đều liên quan đến người thứ ba, các chứng cứ chứng minh ông T ngoại tình bà P đều đã thu thập đủ nhưng do bà P vắng mặt nên không thể công khai tại phiên tòa,... đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để bà P có mặt tham gia phiên tòa, được trình bày nguyện vọng và đưa ra các chứng cứ, tranh luận với ông T.

Sau khi nghe ý kiến của bà P, của luật sư, ông T vẫn khẳng định, tình cảm vợ chồng không còn và ông T không thể tiếp tục chung sống với bà P được nữa. Nếu Tòa án không giải quyết ly hôn, nếu quá căng thẳng uất ức thì sẽ xảy ra án mạng. Vì vậy, ông T tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử cho ông được ly hôn và để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Đối với đề nghị tạm ngừng phiên tòa của luật sư, ông T không chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn T nộp trong hạn luật định như vậy kháng cáo là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và

những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng: Mặc dù thời gian gần đây ông T, bà P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn hết sức trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được nhưng xét về mặt tình nghĩa vợ chồng, xét về mặt đạo đức và truyền thống của con người Việt Nam, khi vợ con đau ốm, ông T phải có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc nhưng ông đã không làm được điều đó mà trái lại ông còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà P. Xét thấy, nguyện vọng của bà P được đoàn tụ gia đình là chính đáng, yêu cầu ly hôn của ông T trong lúc bà P đang bị bệnh hiểm nghèo là chưa phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá, giải quyết vụ án có căn cứ, thấu tình đạt lý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308/BLTTDS giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 18/12/2020 của TAND thành phố Điện Biên Phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc xin ly hôn với bà Hoàng Thị P, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”, tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/12/2020, ông T nộp đơn kháng cáo nên việc kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà P có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do ngày 01/7/2021 bà có lịch truyền tể bào và hóa trị. Xét thấy, bà P không phải là người kháng cáo, vào các ngày 23/3/2021, 22/4/2021, 11/6/2021, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã ban hành các Quyết định hoãn phiên tòa do bà P có đơn hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe và có lịch điều trị hóa chất. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 28 Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, khoản 3 Điều 16 Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Đối với yêu cầu của luật sư về việc tạm ngừng phiên tòa trong phần tranh luận. Xét thấy, các tài liệu chứng cứ có hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã có đủ căn cứ để giải quyết vụ án, việc tạm ngừng phiên tòa là không có cơ sở theo quy định tại Điều 304, 259/BLTTDS, do đó yêu cầu của luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn T thấy rằng:

Ông T và bà P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/9/1979, là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống trong gia đình, nên hai người đã sống ly thân từ ngày mừng 08 Tết năm 2020 (tức ngày 01/2/2020) cho đến nay.

Bà P trình bày nguyên nhân là do ông T ngoại tình. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không công nhận, qua đối chiếu các tài liệu trong hồ sơ vụ án tại các bút lục 39-43, 49, 152, 153, 160, 206 thấy: ông T đã nhiều lần ngoại tình trong thời kỳ hôn nhân làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng. Năm 2018, ông T không bàn bạc, thông báo với bà P mà tự ý quyết định có con riêng với chị N1 (Bút lục 22, 44). Điều đó chứng tỏ ông T đã không còn chung thủy và không còn tôn trọng bà P nữa.

Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, ông T và bà P đều khai: Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 08/01/2020 (âm lịch) cho đến nay, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa. Ngày 25/4/2020, bà P về Thái Bình nói chuyện với ông T về việc bà P chuẩn bị phẫu thuật ung thư cổ tử cung. Bà P đề nghị ông T lên ký giấy cam kết và chăm sóc bà P khi mổ nhưng ông T không đồng ý. Ngày 29/4/2020, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã nhận được đơn xin ly hôn của ông T, ông T không quan tâm đến quá trình phẫu thuật, điều trị bệnh của bà P, không lo lắng, chăm sóc cho bà P trong quá trình điều trị bệnh, điều đó chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng giữa ông T và bà P đã không còn nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà P có những lời nói xúc phạm nhau, thể hiện tình trạng hôn nhân giữa hai người đã có nhiều mâu thuẫn, không còn tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Từ khi gửi đơn khởi kiện cho đến tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn vì tình cảm của ông với bà P không còn, ông không thể tiếp tục chung sống với bà P, hôn nhân không có hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa.

Ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà P đã xúc phạm, lăng mạ ông T và bố mẹ, các em của ông T nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh ngoài lời khai, lời trình bày của ông T, ông S, anh V2, anh S1, chị T1, chị T2 nên không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, căn cứ vào ý kiến của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như ý kiến trình bày của ông T tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã trầm trọng, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19, 21 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T đề nghị được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Mặc dù bà P bị ung thư cổ tử cung đã thực hiện mổ nội soi cổ tử cung tại bệnh viện K từ ngày 12/5/2020 đến ngày 15/5/2020 thì ra viện, sau đó thực hiện

liệu trình truyền tế bào miễn dịch chữa ung thư theo chỉ định. Tại phiên tòa sơ thẩm thì bà P đã ổn định sức khỏe. Hội đồng xét xử sơ thẩm cho rằng bà P hiện đang bị bệnh hiểm nghèo, cần có một người chồng để chăm sóc, động viên trong lúc chữa bệnh để bác yêu cầu ly hôn của ông T là không phù hợp với thực tế. Bởi lẽ, trong suốt quá trình bà P phẫu thuật và điều trị sau phẫu thuật (cho đến nay), ông T cũng không ở bên cạnh bà P để động viên, chăm sóc mà vẫn kiên định với việc đề nghị được ly hôn.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng cho ông T ly hôn với bà P. Do đó, đề nghị của đại diện viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm không được chấp nhận.

Về các con chung của ông T và bà P hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng và sống độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Con riêng của ông T là cháu Ngô Huy N2, sinh ngày 28/6/2018, hiện đang ở cùng mẹ đẻ là chị Trần Thị Tuyết N1, trong quá trình giải quyết vụ án chị N1 không có ý kiến gì về nội dung cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho ông T theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000090 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

[4] Về Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn T được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho ông T theo biên lai số AA/2020/0000431 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309/BLTTDS; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 19, 21; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn T; Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 18/12/2020 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên:

Tuyên xử:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Ngô Văn T và bà Hoàng Thị P.

1.2. Về con chung, con nuôi, con riêng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Ngô Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

2.1. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2020/0000090 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2.2. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2020/0000431 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/6/2021).

Nơi nhận:

- TAND TP. Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS TP. Điện Biên Phủ;
- UBND xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Thu Hằng